

Số: 30/2019/QĐST-DS

T, ngày 27 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH NGOÀI TÒA ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Tấn Tâm

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: Bà Bò Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương mở phiên họp xét công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số 23/2019/TLST-VDS ngày 18 tháng 11 năm 2019 về việc: “Yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án” theo Quyết định mở phiên họp số 23/2019/QĐST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- ***Người yêu cầu:*** Bà Lê Thị Ánh H, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai;

Người đại diện hợp pháp của bà H: Bà Vi Thị P, sinh năm 1995; địa chỉ thường trú: Xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An; địa chỉ liên lạc: D57, đường N4, khu phố 1, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 20-8-2019); có mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ông Trần Văn H1, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp B, xã X, huyện S, tỉnh Phú Yên; tạm trú: Tổ 2, khu phố 2, phường A, thị xã Th, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

[1] Ngày 29 tháng 8 năm 2019, bà Lê Thị Ánh H có đơn khởi kiện ông Trần Văn H1 về việc tranh chấp tài sản chung vợ chồng sau ly hôn, yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng thửa đất số 589, tờ bản đồ số 08, diện tích là 300m² tọa lạc tại xã V, thị xã T, tỉnh Bình Dương, đã

được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO313049, số vào sổ CH03771 cấp ngày 15-01-2014 cho ông Trần Văn H1 và bà Lê Thị Ánh H.

[2] Ngày 22-10-2019, bà Lê Thị Ánh H và ông Trần Văn H1 đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và đã được ghi nhận tại Biên bản hòa giải thành của Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân thị xã T. Do vậy, bà Lê Thị Ánh H có đơn yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ngày 13-11-2019. Tại phiên họp các đương sự thống nhất giữ nguyên nội dung thỏa thuận nhưng yêu cầu điều chỉnh tại trang 2 của Biên bản hòa giải thành ngày 22-10-2019 của Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân thị xã T như sau:

“Sau khi giao cho ông H1 quyền sử dụng đất nói trên thì ông H1 có trách nhiệm liên hệ văn phòng đăng ký đất đai thị xã T để thực hiện thủ tục sang tên giấy tờ đất đai cho ông H1 đứng tên; Sau khi làm thủ tục sang tên xong thì ông H1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà H số tiền 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng), ông H1 đã đưa trước cho bà H 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Số tiền còn lại ông H1 phải trả cho bà H là 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng).”

Được điều chỉnh như sau:

“Ông Trần Văn H1 được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

- Ông Trần Văn H1 có trách nhiệm thanh toán lại $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung vợ chồng là 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng) cho bà Lê Thị Ánh H. Phương thức thanh toán như sau:

+ Lần 1: Ngày 28-9-2019, ông H1 giao cho bà H số tiền 200.000.000 đồng (đã thực hiện xong).

+ Lần 2: Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày ông Trần Văn H1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông H1 phải thanh toán cho bà H số tiền 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng).”

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến tại phiên họp:

- Về tố tụng: Việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và còn trong thời hạn giải quyết. Về việc tuân theo pháp luật thì Thẩm phán đã chấp

hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định.

- Về nội dung: Yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngày 22-10-2019 tại Trung tâm hòa giải, đối thoại Tòa án nhân dân thị xã T là phù hợp nên đề nghị Chủ tọa phiên họp chấp nhận đơn yêu cầu và công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án theo biên bản hòa giải thành ngày 22-10-2019 giữa bà Lê Thị Ánh H với ông Trần Văn H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị Ánh H yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngày 22-10-2019 tại Trung tâm hòa giải, đối thoại Tòa án nhân dân thị xã T, đây là yêu cầu quy định tại khoản 7 Điều 27 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

[2] Về nội dung: Bà Lê Thị Ánh H và ông Trần Văn H1 thống nhất trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có tạo lập được tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 589, tờ bản đồ số 08, diện tích là 300m² tọa lạc tại xã V, thị xã T, tỉnh Bình Dương, đã được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO313049, số vào sổ CH03771 cấp ngày 15-01-2014 cho ông Trần Văn H1 và bà Lê Thị Ánh H. Xét thấy, tại thời điểm lập biên bản hòa giải thành ngày 22-10-2019, các bên tham gia thỏa thuận có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, những nội dung thỏa thuận tại Biên bản hòa giải thành ngày 22-10-2019 của Trung tâm hòa giải, đối thoại Tòa án nhân dân thị xã T ghi nhận phù hợp sự thỏa thuận của các đương sự, đồng thời bà H có đơn yêu cầu Tòa án công nhận thỏa thuận tại Biên bản hòa giải thành ngày 22-10-2019; tại phiên họp các bên xác định việc thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện và thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ngày 22-10-2019. Do vậy, yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án ngày 22-10-2019 của bà Lê Thị Ánh H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 417 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T là phù hợp.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Người yêu cầu phải chịu theo quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 37 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 7 Điều 27, Điều 35, Điều 40, Điều 92, Điều 149, Điều 370, Điều 417, Điều 419 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số 23/2019/QĐST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2019 như sau:

1. Trong thời kỳ hôn nhân, ông Trần Văn H1 và bà Lê Thị Ánh H tạo lập được tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 589, tờ bản đồ số 08, diện tích là 300m² tọa lạc tại xã V, thị xã T, tỉnh Bình Dương, đã được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO313049, số vào sổ CH03771 cấp ngày 15-01-2014 cho ông Trần Văn H1 và bà Lê Thị Ánh H.

2. Thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Trần Văn H1 được toàn quyền sử dụng thửa đất số 589, tờ bản đồ số 08, diện tích là 300m² tọa lạc tại xã V, thị xã T, tỉnh Bình Dương, đã được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO313049, số vào sổ CH03771 cấp ngày 15-01-2014 cho ông Trần Văn H1 và bà Lê Thị Ánh H. Ông Trần Văn H1 được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

- Ông Trần Văn H1 có trách nhiệm thanh toán lại ½ giá trị tài sản chung vợ chồng là 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng) cho bà Lê Thị Ánh H. Phương thức thanh toán như sau:

+ Lần 1: Ngày 28-9-2019, ông H1 giao cho bà H số tiền 200.000.000 đồng (đã thực hiện xong).

+ Lần 2: Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày ông Trần Văn H1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông H1 phải thanh toán cho bà H số tiền 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng).

Người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu

khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

Điều 2. Lệ phí:

Bà Lê Thị Ánh H phải nộp số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0037378 ngày 18-11-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành ngay, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Điều 4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- CCTHADS thị xã T;
- Dương sự;
- Lưu: HS, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tấn Tâm